

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2024/DS-ST
Ngày: 12/7/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nghiệm
- Bà Trần Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-DS ngày 19/03/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-DS ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NGUYỄN HỮU P – sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 3/9 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Kim P1 – sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố 3, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/03/2024 số công chứng 001397 quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

2. Bị đơn: Bà TRẦN THỊ P – sinh năm 1978;

Ông NGÔ VĂN K – sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang;

(bà P1 xin vắng mặt, ông K có mặt, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày: ông P với vợ chồng bà Trần Thị P và ông Ngô Văn K có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào ngày 23/6/2023, vợ chồng ông K, bà P có vay của ông P số tiền 300.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hẹn trả đến ngày 29/6/2023 trả đủ tiền cho ông, mục đích để xoay sở công việc cá nhân. Biên nhận do chính ông K viết và ký tên, có bà P cùng ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông P và bà K không thực hiện trả lãi cho ông P, cũng không trả vốn, ông P liên hệ vợ chồng ông K, bà P không nghe điện thoại. Việc vợ chồng ông K, bà P không trả nợ tiền vay cho ông P đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P. Nay ông P yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 23/6/2023 cho đến ngày xét xử (tạm tính đến thời điểm tháng 3/2024 làm tròn là 9 tháng thành tiền là 44.820.000đ).

* Bị đơn ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông K, bà P, nhưng ông K, bà P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P1 xin vắng mặt và yêu cầu ông Ngô Văn K, bà Trần Thị P liên đới trả lại số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/6/2023 đến ngày Tòa xét xử là 12 tháng 12 ngày, làm tròn là 12 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 29.880.000 đồng, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Ngô Văn K thừa nhận chỉ còn nợ ông P số tiền 220.000.000 đồng, và đồng ý trả cho ông P số tiền 220.000.000 đồng cùng tiền lãi là 21.912.000 đồng trong hạn 18 tháng.

Bà Trần Thị P vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét đại diện của nguyên đơn Nguyễn Hữu P là bà Trần Thị Kim P1 có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà P1.

[2] Xét bị đơn bà Trần Thị P đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P là có cơ sở: vì Nguyễn Hữu P có cho ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 23/6/2023 với thời hạn vay đến ngày 29/6/2023 trả tiền. Đến hạn trả tiền nhưng ông K, bà P không trả cho ông P số tiền vốn hay lãi gì cả và kéo dài đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện của mình ông P cung cấp tờ "biên nhận mượn tiền" ngày 23/6/2023 có chữ viết và chữ ký của ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa ông P với ông K, bà P đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía ông K, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ, nên cần buộc ông K, bà P có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: ông Nguyễn Hữu P yêu cầu tính lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 30/3/2023 đến ngày Tòa xét xử là 12 tháng 12 ngày, làm tròn là 12 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 29.880.000 đồng. Xét yêu cầu này của ông P là có cơ sở vì ông K, bà P chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ông P nên ông K, bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, và lãi suất do ông P yêu cầu ông K, bà P trả phù hợp với mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của ông P phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Đối với ông Ngô Văn K thừa nhận chỉ còn nợ ông P số tiền 220.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền 220.000.000 đồng cùng tiền lãi là 21.912.000 đồng. Xét ý kiến này của ông K là không có cơ sở vì ông K không có chứng cứ chứng minh ông K, bà P chỉ còn nợ ông Nguyễn Hữu P số tiền 220.000.000 đồng, phía ông P cũng không thừa nhận ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P chỉ còn nợ 220.000.000 đồng. Do đó, ý kiến này của ông K không được chấp nhận.

[6] Về thời gian trả: ông Nguyễn Hữu P yêu cầu ông K, bà P trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật, phía ông K xin trả tiền trong hạn 18 tháng. Xét yêu cầu này của ông P là có cơ sở vì số tiền này ông K, bà P để kéo dài không trả cho ông P đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, phía ông P cũng không đồng ý cho ông K, bà P trả tiền trong hạn 18 tháng, nên cần buộc ông K, bà P trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 166, 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P

Buộc ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu P số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 29.880.000 đồng, tổng cộng là **329.880.000** đồng (ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: ông Ngô Văn K và bà Trần Thị P liên đới chịu **16.494.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu P **8.620.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0009310 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Báo đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh